

GÂN - CƠ - KHỚP XƯƠNG ...

BỒ' GÂN

{ chân Túc tam lý + Dương lăng tuyền
lưng Can du + Tỳ du

TRỞ TRỜI ĐẦU MỎI

Tả' Khúc tri' + Bồ' Túc tam lý

CƠ CƠ RUN GIẬT

Tả' Hợp cốc + Thái xung

VẬT VẬT THỪA CANXI CƠ GIẬT

{ Tả' Bách hội + Khúc tri' + Ngự tễ'
bồ' Túc tam lý

TÊ CHÂN

{ Đả nang
(Đang đi mà tê dọc ấn Cự liêu ở hông)

ĐI BỒ MỎI CHÂN

Tả' Phi dương + bồ' Túc tam lý

NGẠI NÓI HẠM NĂM

Bồ' Đại chung + Thông lý

TU CHỮỞNG BONG GÂN

* { Bồ' (ôn châm) Túc lâm khắp
Tả' Athị huyết (Bó muỗi sống)

* Tả huyết chỗ đau (không lưu) Lưu ngay thì lưu kim, cứu thêm hoặc ôn châm. Nếu không đỡ châm bên đối. (Khi mới có thể châm nặn máu sau mới châm khu vực đau)

- Vai: Kiên ngưng
- Khuỷu: Khúc trí, Tiểu hải
- Cổ tay: Hợp cốc + Ngoại quan
- Lưng: Thận du, Ủy trung
- Hông: Hoãn khiêu, Thừa phũ
- Đầu gối: Tật nhỡn, Dương lăng tuyền
- Mắt cá: Giải khê, Côn luân

ĐAU TOÀN THÂN

Chích nặn Đại bao (48)

ĐAU LƯNG

* Chích Ủy trung

(Ủy trung + Dương phụ + Thiên ứng)

* Đau lưng cấp:

Đối mạch (, Hoãn khiêu, Nhân trung)

Thận du + Ủy trung + Thừa sơn (Mệnh môn)

* Cúi không được:

Ân môn + Thừa phũ

* Điều khâu thấu Thừa sơn (vê cho tẽ buốt lan đến lưng, lưu 10'. Có thể chữa cánh tay đau.)

* Ấn day mệnh môn và nơi có phản ứng đau ấn từ nhẹ đến nặng 1-2' xoa thân du 10' cuối cũng day ở Ủy trung.

* Phong thấp hàn chứng:

{ Thân tích + Yêu dương quan + Ấn môn +
Ủy trung. (hoặc lấy A thị huyết)
châm xong huyết vũng lưng có thể cứu.

* Thân hư chứng:

Thân du (châm + cứu) + Mệnh môn (cứu) +
Thái khê

* Cơ lưng lao tổn:

Thân tích + Yêu nhón + Ủy trung

* Bong gân cấp tính:

Nhân trung + Ủy trung (chích máu).

* Châm vũng bần tay: Yêu thoái điểm (trên mu trước nếp gấp cổ tay 1,5" ở khe gân cơ đuôi ngón 2 phía cạnh quay và gân cơ đuôi ngón 4 ở cạnh trụ (là 4 điểm)

RAO DÂY CHẴNG

* Mỏm gai đốt sống cổ: mỗi cổ ghê gồm
Kính cốt + Đại chủy + Phong phu

* Công gū đoạn trên

Kính cốt + Phế du

* Đoạn thắt lưng:

Kinh cốt + Thân du
(thêm Can du + Tỳ du)

NHEỖ CƠ, TRƯỜNG LỰC CƠ GIẢM, RUN

{ Can du + Tỳ du + Phế du + Thân du + Kinh
cốt

CÚI NGŨA KHỐ (cổ gáy cứng: Tuyết cốt)

Phong phủ + Đại chũy

ĐAU GIẬT TỬ VAI GÁY LÊN ĐẦU

{ Khâu khư
Tuyết cốt

SÁI CỐ

* { Tuyết cốt + Lạc châm (104) + (Đại chũy)
(bình vệ) (tạ) (+ Hậu khê)

- Không cúi ngửa được: Liệt khuyết

- Không thể quay phải trái được: Ngoại quai.

* Day dưới Thiên trụ (bên đầu) 0,5", ấn mạn day thuận chiều kim đồng hồ. Day một hồi chừng 1', ngưng 1' lại day 1'.

ĐAU CÁC KHỚP KHÔNG SỬNG NÓNG ĐỎ

chích nặn máu tĩnh mạch nổi (cầm chích làm hoạt dịch ra.)

ĐAU ĐAU GỐI KHÔNG SỬNG

{ ôn châm Độc ty + Tất nhôn + năn máu
động ở khoeo chân.

VIÊM ĐA KHỚP DI ĐÔNG

Dương phụ (chi dưới lạnh thì cứu)

CHỨNG BẠI

- Vai : Kiên ngung, Khúc trí, ngoại quan
- Khuỷu : Xích trạch, Khúc trí, Hợp cốc,
Ngoại quan
- Cõ tay : Dương trì, Liệt khuyết, Chi câu,
Dịch môn
- Ngón tay : Hợp cốc, Hậu Khê
- Cột sống : Thân trụ, Thân du, Uý trung,
Côn luân
- Hông : Hoãn khiêu, Uý trung, D.L. tuyên
- Gối : Độc ty, T.T. lý, D.lăng → Âm lăng
- Mất cá : Giải Khê, Côn luân
- Bàn chân : Thái Khê, Côn luân, T. xung
- * Phong bại : Huyết hải + Cách du
 - { - Phong môn + Khúc trí (chi trên)
 - { - Phong thị + Thái xung (chi dưới)

- + Đau bại (hãn) : Thân du + Quan nguyên
- + Thấp bại : Túc tam lý + Tam âm giao
 - { - Khúc trí + Trung trử (chi trên)
 - { - Âm lăng tuyền + Túc tam lý (chi dưới)
- + Nhiệt bại : Đại chuỷ + Khúc trí + A thị

* Nhiệt vũ phong : tả, châm nông
 Đau bại : tả hay cứu, đau đến dữ dội có thể cứu cách gừng
 Thấp : vừa châm vừa cứu nếu nóng đỏ đau thì châm không cứu.

* Bồ Dương lăng tuyền + Tuyệt cốt + Can du
 Thân du

- Bệnh khe khẽ, đau lâu ngày : Khích
- Lạc : bệnh nặng
- Du : mình nặng, khớp đau

* - Bệnh tại dương chi dương : Hợp ở dương
Bệnh tại âm chi dương : Lạc

- Bệnh tại dương chi âm : Kinh ở âm
- Bệnh tại âm chi âm : Huỷnh, Du ở âm

- * - Chi trên : kinh Đâm + Tam tiêu
- Chi dưới : kinh Thân + Đâm

ĐI BỘ MỖI CHÂN

Tả' Phi dương + bô' Túc tam lý

ĐAU BUỐT BA' VAI

Đại lãng + Ngoại quan + Thiên trĩ

KIÊN LIÊU THẤU CỰC TUYẾN bô' 9 tả

- 18 rút ra bênh nhân giờ tay lên được
- bô' thêm Phế du + Thân trụ
- mỏm gai đốt sống 3-4 (khe, cạnh)
- Đau chi dưới thêm huyết ở L₂ - L₅

THÂN KINH TOA (Bô' sâu - Tả' nông)

- Mỏm gai đ/s não đau nhất châm trên, dưới, phải, trái
- Hoãn khiêu
- Khớp cùng châu
- Phụ dương (Bãng)
- (teo cơ: Bễ quan)

{ Thân du + Mệnh môn + Hoãn khiêu +
Phụ dương

SÙNG BAO KHỚP

- { A thi huyết: châm 4 kim 1⁺ xung quanh,
châm 1 kim tứ đỉnh xuống đáy bọc. Nâng ấn,
lưu 20' xong ấn và day xoa. (3 lần khởi)

ĐAU SƯỜN NGỰC

- * Chi câu + Thái xung + Ngoại quan
(hoặc gia Túc khiếu âm) bình lưu 30'
- * Nội quan : nâng ấn lưu 30'
- * Ngự tế : tìm điểm ấn đau châm đứng
6 - 8 phân, lưu 30'

- Vó lũng ngực và nội tạng : Nội quan
- Cơ bắp lũng ngực : Ngoại quan
- Đau sườn : Chi câu
- Vó lũng ngực và nội tạng Can, Tỳ đau :
Can du + Đả du

* Đau ngực :

- { Athi (châm, cứu) + Chi câu + Nội quan
+ Khâu khư → Chiếu hải

* Đau sườn :

Chi câu + Chương môn (70) + Can du +
Dưỡng lũng tuyền

* Thân kinh liên sườn :

- Ngoại quan + Chi câu + Dưỡng L. tuyền
- Tả Dưỡng trì + Nội quan + bô T.T. Lý.

TRỆO QUẠI HÂM

$\left\{ \begin{array}{l} \text{Hoā liêu} \\ \text{Hạ quan} \end{array} \right\} \left\{ \begin{array}{l} \text{Khúc mấn} + C_2 \text{ (hiệp tích)} \\ \text{(Đau hãm)} \end{array} \right\}$

BĂN CHÂN BAI VAO TRONG

$\left\{ \begin{array}{l} \text{Thân mạch} \\ \text{Nội phiên} \end{array} \right\}$

BAI DO XUẤT HUYẾT NÁO. PHONG THẤP CHÂN YẾU ĐI KHÔNG VỮNG

$\left\{ \begin{array}{l} \text{Hoān khiêu} \\ \text{Bộc tham} \end{array} \right\} \left\{ \begin{array}{l} \text{Đổ' bên lảnh tả bên} \\ \text{đau} \end{array} \right\}$

DI CHỨNG NÁO LIỆT 1/2 NGƯỜI -

CHÂN YẾU (Phong long)

* $\left\{ \begin{array}{l} \text{Hoān Khiêu} + \text{Dương lảnh tuyên} + \\ \text{Tuyệt cốt} + \text{Cử liêu} + \text{Đổ' tham} \end{array} \right\}$

* Liệt 1/2 người huyết áp thấp

$\left\{ \begin{array}{l} \text{Cách du} + \text{Đảm du} + \text{Thân môn} + \text{Chi} \\ \text{chính} + \text{Tích tậm huyết} + \text{Thượng nhi căn} \end{array} \right\}$

* Phong tri + Khúc tri + Dương lảnh tuyên +
Hành gian

* Chi trên : Hợp cốt + Khúc tri + Kiên ngưng

- Chi dưới: Tuyệt cốt + Dương lăng tuyền
 + Hoãn khiêu { Phải: P.môn + Đ.trung + K.hải
 (tất cả đều châm xong rồi cứu)
 Trái: P.môn + Cách du + H.hải

LIỆT MỆM

- * Chi trên: Kiên ngung + Khúc trí + Hợp
 cốt + Ngoại quan + Hậu khê

Chi dưới: Yêu dương quan + Hoãn khiêu
 + Dương lăng tuyền + Túc tam lý
 (cứu 5 - 7 mỗi, hoặc dùng kim nhỏ châm
 nhẹ nhàng sau lại cứu)

- * Chi trên: Đai kiên (đầu ngoài xương
 đòn ở vai xuống 1,5t) + Trí tán 2 + Trí
 tán 3 + Khúc trí thấu Thiệu hải

Cổ tay rú xuống: Dưỡng lão + Hợp cốt
 thấu Lao cung

Chi dưới: Yêu dương quan + Hoãn khiêu
 + Biên bộ (đùi) + Túc cường (đùi) + Âm
 lăng tuyền ← Dương lăng tuyền + Tam âm
 giao.

Cổ chân bài vào trong: Trí tán 5 + Khâu
 khu → Chiếu hải + Thái xung

Cổ chân bai ra ngoài: Thương khâu + Củ
ngoại phiến

UNG XƯƠNG - LAO XƯƠNG

- Củ tỏi
- 2 lạng rễ đầu già ra đắp

CÁC BỆNH CHỮA BẰNG THUỐC

- * Sưng bàn tay (cấp tính): một nắm lá rau
ngót già với muối nát như đắp nơi sưng
ngay thay thuốc 2-3 lần.
- * Dưới bàn chân sưng đau: đâm vài tép
tỏi lớn với muối đắp dưới lòng bàn chân bỏ
lại 1 đêm
- * Sưng đầu gối: một củ tỏi, một ít muối
giã đắp (Kiêng cử phong dục)
- Hoa cúc + Ngải cứu băng nhau giã nát
lấy bông bọc thuốc vào đầu gối
- * Gót chân sưng đau: Ngải cứu + Hành
đều 1 nắm, gừng 1 củ giã nát chế rượu
xào nóng chườm. (chữa cả phong sưng đau
lấy lá thâu dâu bọc ngoài ngay thay 5-6
lần)
- * Đau nhức chạy khắp nơi: Giấm 1 bát, Hành
1 nắm. Nấu sôi 1 dạo nhúng vài chườm.

- Bỏ kết 5 lạng, muối 10 lạng giã nát sao nóng dùng vải xanh gói lại chườm chỗ đau nguội lại thay.

* Các bệnh đau: gổc hẹ xáo với dấm bọc lụa mả chườm chỗ đau

* Đau cánh tay: Nhân hột thầu dầu giã nát dịt vào 1 đêm (tay nổi cục sưng đau)

- Phong nhiệt đau: cánh dầu mỗi thang 3 lạng, kỵ sắt bể nhỏ sao, nước 1 bát sắc còn nửa uống lúc nào cũng được

* Bị đánh, ngã nội thương: một nắm lá tre dấm nhỏ đổ 1 hũ nước lọc uống. Cua đồng giã nát bỏ 1 chút muối uống. Ngoài lấy nghệ xáo nước tiểu mả bóp.

- Lọ nội ng hiên bột mỗi lần uống 2 đ/c với rượu

- Vỏ mỏng cam chín đổ ngâm rượu cho đặc trong uống ngoài thoa.

- Nước tiểu trẻ em còn nóng hoà 1 lít rượu mả uống.

- Hành giã nhỏ sao chín đắp, nguội thay.

- Mật vịt hoà rượu hoặc nước tiểu trẻ em cho uống

- Đâu đen 5 thăng nước 10 thăng sắc còn 2 thăng chia 2 lần uống

* Bị đánh lở loét đau nhức: của đông 2 con gia nát hoà vào một chén rượu đun sôi cho uống bã đắp vào chỗ đau

- Lá mận tươi giã nhỏ dịt vào hết sưng.

* Ngã bị thương: vỏ rễ dâu lấy nhiều cao bỏ vỏ vāng ngoài đập nát sắc nước ngao thành cao xức vào lā khỏi không sinh ứ huyết

- Gừng sống giã nát cho rượu sao chín đắp vào tan huyết hết đau

- Lá tía tô giã nát đắp vào miệng lở tự kéo lại

* Gãy xương: một nắm hột nhẩn, bỏ vỏ đen, giã nát xào với rượu, bó chỗ gãy

Cách một ngày thay đợt khác

- Một nửa kiến vāng + $1/2$ dưa giã (xắt lát mỏng, nhỏ). Xào chín chung 2 thứ để nóng nóng bó vào chỗ gãy. Mỗi lần bó 30 - 40 phút hay 30 - 60 phút đúng thời gian phải mở thay thuốc. Ngày làm 1 - 2 hoặc 2 - 4 lần. (Thao ra chỉ cần sao nóng rồi bó lại)

* Các đốt xương tay chân sưng nhức : cây
đuối vạt nhỏ (người mập thì sao vãng khư
tho) mỗi ngày bỏ một nhúm vào bình
nước uống như nước trà (nhớ uống nhiều
lần). Ngày một lần hơi nóng các khớp.

* Đau lưng:

- Ngải cứu 1 nắm + Vỏ bưởi đào (2
nắm) sắc đặc uống nóng. (Nhớ mỗi
đau mình)
- Một nắm hạt chanh sao vãng tán nhỏ
mỗi lần uống 3 chỉ. Ngâm rượu, uống liền
3-4 ngày là khỏi.
- Nhân hạt mướp sao cháy tán nhỏ hoà
rượu uống bã đắp chỗ đau. Hoặc cũng rải
mướp đốt tồn tính mỗi lần uống 2 đồng với
rượu ấm.
- Trà ngon nấu nước đậm 5 chung hoà với
đấm 3 chung uống ngay.
- Vừng đen 1 thăng sao cháy tán bột mỗi
lần uống 3 đồng với rượu hoặc mật hoặc
nước gừng.

HUYẾT ĐẶC HIỆU

- Trung phủ : cánh tay mát lạnh (cửu)
- Thương liên : xương tủy lạnh
- Khúc trí : mình đau như sâu cắn
- Cự cốt : trong ngực có huyết ứ
- Bê quan : teo cơ chi dưới
- Nghinh hưởng : mắt ngửa sưng phồng
- Hãm cốt : mắt sưng viêm xoang má
- Đại bao : toàn thân đau đớn
- Uyển cốt : năm ngón tay không thể co duỗi
- Tiểu hải bệnh mưa đập (Parkinson)
- Ngọc châm : đầu đau mắt như lõi ra
- Thiên trụ : gáy cứng, não nặng như lõi ra
- Đại trừ : các bệnh về xương
- Phế du : Cong lưng, Bệnh chi trên
- Ân môn : lõi điã đâm cột sống
- Thừa sơn : chuột rút bắp chân
- Bê tham : gót chân đau
- Thân mạch : viêm màng não, màng tủy
- Kinh cốt : cong khom lưng
- Thạch quan : cột sống cứng khó hoạt động

- Hội tông : đau da thịt
- Ê phong: đau thân kinh tam giao
- Giác tôn : tai sưng đỏ
- Nhi môn : viêm khớp hàm dưới
- Thỉnh hội : xương hàm lõi cối cách nhau từ 1-2 thôn
- Thượng quan : môi mẹp cứng
- Huyền lư : mắt sưng da thịt đỏ
- Huyền ly : mắt phủ sưng da mắt đỏ sưng
- Khúc tân : thiên đầu thống
- Đầu khiếu âm : Lao xương
- Hoan cốt : chân tay mềm yếu không đi đứng được
- Đới mạch : bại liệt do ngoại thương
- D.L.tuyên : tê dại cạnh ngoài chì dưới
- Dưỡng phụ : cứu trị chân tay lạnh ngắt
- Túc lâm khắp : xung huyết do va đập
- itanh gian : miệng méo
- Khúc tuyên : thân thể cực đau
- Chương môn : vai và cánh tay không gơ lên được
- Tích trung : viêm màng nhện tửu sống
- Căn súc : uốn ván

- Thân đạo : ngáp hãm răng trật ra miệng há không ngậm được
- Hậu đình : mồ hôi ra khắp các khớp
- Tiên đình : da đầu sưng
- Khí hải : ấn dây trệ cấp tính bong gân cột sống thắt lưng đau không cúi ngửa

UỐN VẤN (tê - ta - nốt).

* Bách hội + Hậu đình + Củng gian + Phong phủ + Âm môn + Đại chũy + Hạ quan + Đại trường du + Thừa sơn + Thủ tam lý + Trường củng + Giáp xa.

(Đốc mạch và Bãng, nặng 10 - 15 huyệt nhẹ 5 - 10 huyệt, Lưu 1 - 2 giờ, nặng lưu 12 - 24 giờ. Cứ 5' về 1 lần)

* Cấn sức + Chí dương + Phong phủ + Đại chũy + Bách hội + Nhân trung + Can du + Đam du + Đại trử + Dương lăng tuyền + Tuyệt cốt + Thái xung + Hãn gian
(Chỉ uổng xác về)